

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Khóa;**

2. Bà **Dương Thị Kim Hồng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Đàm Thị Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 23^A/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 45^A/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Bích N**, sinh ngày 10/4/1991.

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V**, sinh ngày 10/02/1987.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn U, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ khi đăng ký kết hôn: Nhật Bản.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Bích N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V quen nhau khi cùng du học tại Nhật Bản vào cuối năm 2015. Anh chị tìm hiểu khoảng 08 tháng thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam ở Osaka, Nhật Bản vào ngày

05/9/2016. Tuy nhiên do khi đó anh chị đều đang ở Nhật Bản nên chưa có sự thống nhất của hai bên gia đình và cũng không tổ chức cưới hỏi theo thủ tục Việt Nam. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống được khoảng 03 tuần thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị đã cố gắng hòa giải nhiều lần với anh V nhưng không hiệu quả nên khoảng 04 tháng sau anh chị đều chuyển ra nơi khác sinh sống và ly thân từ đó đến nay. Thỉnh thoảng vợ chồng có liên lạc nhưng mỗi lần đều xảy ra tranh cãi nên dần dần cũng không còn liên lạc với nhau. Sau khi học xong thì tháng 10/2017 chị về Việt Nam sinh sống còn anh V vẫn ở Nhật Bản. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Nguyễn Văn V hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho anh Nguyễn Văn V thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản nhưng không có kết quả. Ngày 23/5/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã có thông báo số 161/2019/TB-TA thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và niêm yết theo đúng quy định nhưng vẫn không nhận được ý kiến, quan điểm nào của anh V.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị N vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; anh V vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Lê Bích N được ly hôn anh Nguyễn Văn V. Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Chị Lê Bích N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn V. Anh V là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Nhật Bản nhưng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều

35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho anh Nguyễn Văn V thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản theo địa chỉ chị N cung cấp nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa, anh V đều vắng mặt, không có quan điểm thể hiện về việc ly hôn. Tòa án cũng không nhận được thông báo về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp. Căn cứ khoản 3 Điều 474, khoản 4 Điều 477 BLTTDS, Tòa án đã hoãn phiên tòa; có Công văn gửi Đại sứ quán Việt Nam đề nghị thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và niêm yết tại trụ sở, công bố trên cổng thông tin điện tử Đại sứ quán lịch phiên tòa tiếp theo cho anh V. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết, công bố trên cổng thông tin điện tử của Tòa án lịch phiên tòa theo đúng quy định. Tuy nhiên tại phiên tòa anh V vắng mặt không có lý do; chị N vắng mặt và đã yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 6 Điều 477 BLTTDS năm 2015, xét xử vắng mặt anh V và chị N là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh V tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Ngày 05/9/2016 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam ở Osaka, Nhật Bản nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại Nhật Bản được khoảng 03 tuần thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tuy hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng nên khoảng 04 tháng sau anh chị chuyển ra nơi khác sinh sống và ly thân từ đó đến nay, dần dần cũng không còn liên lạc với nhau. Sau khi học xong thì tháng 10/2017 chị N về Việt Nam sinh sống còn anh V vẫn ở Nhật Bản.

Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh V đã trầm trọng, vợ chồng chung sống trong thời gian ngắn, ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh V là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung: Chị N xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xét. Anh V không có văn bản thể hiện quan điểm nên nếu sau này có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 BLTTDS; anh V được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về án phí: Chị Lê Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng do ông Phạm Đức C nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2017/0001600 ngày 07/8/2018. Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, chị Lê Bích N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng Huy

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Khóa

Dương Thị Kim Hồng

Bùi Đăng Huy

